

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HS-ST

Ngày: 23-12-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Đào Nguyễn Yên Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Thắng  
Ông Đỗ Thanh Tuyền

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Yên Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:** Ông Phạm Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 62/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 58/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. VÕ HỮU T (U)**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn P (đã chết) và bà Bùi Thị T (đã chết); Vợ, con: chưa có; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 14/10/2020, tạm giam ngày 17/10/2020. (Có mặt)

**2. ĐÀO MINH M**, sinh năm 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Minh H, sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1948; Vợ: Phan Thị Hồng T, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Có 01 người con sinh năm 2002; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: tại Quyết định số 13/QĐ-XPHC ngày 15/6/2020 của Công an xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre đã xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

**- Bị hại:**

1. Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1970

2. Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1957

Cùng cư trú: số 79, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Bà D và ông S cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1980

Nơi cư trú: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

2. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1974

Nơi cư trú: số 416, tổ 1, ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

Ông T và bà N có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Ông Huỳnh Văn Bé L, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Minh M và Võ Hữu T là bạn bè, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên T rủ M đi trộm một cây mai vàng của vợ chồng bà Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Hồng S trồng trong chậu đặt trước sân nhà bà D ở ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre thì M đồng ý. Khoảng 02 giờ ngày 08/6/2020, M điều khiển xe gắn máy biển số 71FE-6050, T đi bộ, cả hai đến nhà của bà D, T đi theo đường tắt trong bờ dừa do M chỉ đường. Khi đến nhà bà D, M dừng xe ở bên ngoài canh chừng, T lén lút vào khu vực sân nhà bà D nhổ trộm 01 cây mai vàng mang ra bên ngoài. M điều khiển xe gắn máy chở T và cây mai vàng về nhà của T ở ấp Đ, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre cất giấu. Đến ngày 09/6/2020, M gọi điện thoại bảo T mang cây mai vàng nhổ trộm được của vợ chồng bà D đi bán, T mang cây mai vàng nêu trên bán cho Võ Văn T với giá 700.000 đồng, T đưa cho T 300.000 đồng, nợ lại 400.000 đồng. Võ Văn T bán lại cây mai trên cho Huỳnh Trần M (Nghĩa) (sinh năm 1989, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre) với giá 700.000 đồng, M chưa trả tiền cho T. Căn cứ vào lời khai của Võ Văn T, vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 10/6/2020, lực lượng Công an huyện G phối hợp với Công an xã L cùng Võ Văn T đến nhà Huỳnh Trần M thu hồi được cây mai vàng nêu trên. Số tiền 300.000 đồng do T trả, T tiêu xài cá nhân hết không có chia cho M.

Vật chứng thu giữ:

- Tại nhà Huỳnh Trần M: 01 (một) cây mai vàng được bo, ghép cành tạo dáng hình bon sai chưa thành phẩm, đoạn thân cây 20cm, hoành thân nơi rộng nhất 24cm, tàn cây có đường kính 55cm, bộ rễ được trải đều xung quanh thân cây.

- Tạm giữ từ Võ Hữu T: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, gắn 02 thẻ sim có số thuê bao 0388629792 và 0342328852.

- Tạm giữ từ Đào Minh M: 01 (một) xe gắn máy biển số 71FE-6050.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG ngày 16/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G, tỉnh Bến Tre kết luận: 01 cây mai vàng được bo, ghép cành tạo dáng hình bon sai chưa thành phẩm, phần thân cao 20cm, bề hoành thân nơi rộng nhất 24cm, tàn cây có đường kính 55cm, bộ rễ được trải đều xung quanh thân cây, trị giá 3.500.000 đồng.

Ngoài thực hiện hành vi phạm tội cùng M nêu trên ra, Võ Hữu T còn khai nhận đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản là 04 cây mai vàng khác cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất, T cùng Châu Văn Đ trộm cắp 01 cây mai vàng tại địa bàn xã B, huyện G (không rõ thời gian, địa điểm và họ tên, địa chỉ chủ sở hữu);

- Vụ thứ hai, T cùng Nguyễn Hoàng H và Hồ Dương T trộm cắp 02 cây mai vàng tại địa bàn xã B, huyện G (không rõ thời gian, địa điểm và họ tên, địa chỉ chủ sở hữu);

- Vụ thứ ba, T cùng Châu Văn Đ và một người tên B ở xã M, huyện B (không rõ họ tên, địa chỉ) trộm cắp 01 cây mai vàng tại địa bàn xã T, huyện G (không rõ thời gian, địa điểm và họ tên, địa chỉ chủ sở hữu).

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKSGT ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Võ Hữu T từ 09 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đào Minh M từ 09 tháng đến 18 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã giao trả lại cho ông Đào Minh H 01 xe gắn máy biển số 71FE – 6050; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng; tịch thu tiêu hủy: 02 thẻ sim có số thuê bao 0388629792 và 0342328852.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác nên không đề cập. Gia đình của bị cáo Võ Hữu T đã bồi thường cho anh Võ Văn T số tiền 300.000 đồng mua cây mai của T và hiện anh T không yêu cầu gì khác nên không đề cập. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng N không yêu cầu bị cáo Võ Hữu T hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng đã bồi thường cho anh Võ Văn T nên không đề cập.

Các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố, đồng thời yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai rõ ràng và phân trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, sơ đồ hiện trường, bản ảnh xác định hiện trường, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 03 giờ ngày 08/6/2020, tại nhà bà Nguyễn Ngọc Dung ở ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, các bị cáo đã có hành vi câu kết với nhau lén lút chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Hồng S 01 cây mai vàng được bo, ghép cành tạo dáng hình bon sai chưa thành phẩm, phần thân cao 20cm, bề hoành thân nơi rộng nhất 24cm, tàn cây có đường kính 55cm, bộ rễ được trải đều xung quanh thân cây, trị giá 3.500.000 đồng.

[4] Các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng chưa đến 50.000.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên các bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Đây là vụ đồng phạm mang tính giản đơn, trước và trong khi thực hiện các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Đối với bị cáo Võ Hữu T giữ vai trò rủ rờ và là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù nhân thân của bị cáo được xác định là không có tiền án tiền sự, nhưng qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ khai báo thành khẩn, đã tác động gia đình hoàn trả tiền thu lợi bất chính.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đào Minh M giữ vai trò là người giúp sức tích cực cho bị cáo Võ Hữu T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Mặc dù lúc thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng như: phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ khai báo thành khẩn, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, xét thấy bị cáo T sau khi phạm tội đã bỏ trốn, bị cáo M sau khi phạm tội tiếp tục vi phạm pháp luật hành chính. Vì vậy, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Hình phạt bổ sung: Xét về hoàn cảnh kinh tế, các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là 01 cây mai vàng được bo, ghép cành tạo dáng hình bon sai chưa thành phẩm, phần thân cao 20 cm, bề hoành thân nơi rộng nhất 24 cm, tàn cây có đường kính 55 cm, bộ rễ được trải đều xung quanh thân cây và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận. Đối với anh Võ Văn T đã nhận lại số tiền mua cây mai vàng là 300.000 đồng và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hồng N không yêu cầu bị cáo Võ Hữu T hoàn trả lại số tiền 300.000 đồng đã bồi thường cho anh Võ Văn T nên ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng của vụ án hiện đang thu giữ, bao gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng, gắn 02 thẻ sim có số thuê bao 0388629792 và 0342328852, đây là công cụ bị cáo liên lạc thực hiện tội phạm. Xét thấy, điện thoại di động còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, đối với 02 sim không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe gắn biển số 71FE – 6050 là tài sản của ông Đào Minh H, ông H không biết bị cáo M sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô trên cho ông H là phù hợp nên ghi nhận.

[11] Đối với Võ Văn T khi mua cây mai vàng từ Võ Hữu T không biết là tài sản do T trộm cắp mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Đối với hành vi Võ Hữu T khai đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác cùng với Châu Văn Đ, Nguyễn Hoàng H, Hồ Dương T và đối tượng tên Bảo. Tuy nhiên chưa xác định được thời gian, địa điểm, bị hại,

đồng thời Đ, H không thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng T, T đã chết, Bảo không rõ lai lịch nên kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[13] Đối với Huỳnh Trần M (Nghĩa) hiện không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được nên kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm việc với M để giải quyết theo quy định pháp luật.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Võ Hữu T 01 (một) năm tù;

Thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2020.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Đào Minh M 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án hình phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, vỏ màu trắng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0388629792 và 01 (một) thẻ sim có số thuê bao 0342328852.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/12/2020, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre quản lý)

3. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo Võ Hữu T và Đào Minh M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện G (1b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Cơ quan THAHS CA huyện G (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã B (1b);
- UBND xã C (1b);
- Các bị cáo, các bị hại, NCQLNVLQ (5b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (4b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**Đào Nguyễn Yến Phương**